

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11 tháng 9 năm 2020

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thọ

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Nguyễn Đăng Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Ngu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn M Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2020/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị C, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn M, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Đinh Văn D, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn M, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 18 tháng 02 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Cao Thị C trình bày:*

Vào ngày 21/6/2007 chị Cao Thị C và anh Đinh Văn D đăng ký kết hôn tại UBND xã Q T, huyện T Đ, việc kết hôn tự nguyện hai bên, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Trong thời kỳ hôn nhân chị C và anh D có 02 con chung là cháu Đinh Hữu M, sinh ngày 13/6/2008 và cháu Đinh Ngọc H, sinh ngày 22/7/2012. Từ năm 2016 cuộc sống chung hôn nhân thường phát sinh mâu thuẫn và bạo lực gia đình làm hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn gia đình đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị C đã cố chịu đựng để hàn gắn hôn nhân nhưng không thành và không thể chung sống hôn nhân được nữa nên từ năm 2019 anh D chị C đã sống ly thân, đến đầu năm 2020 thì thỏa thuận chia tài sản chung, giải quyết nợ chung, nuôi con chung. Do không thể sống chung hôn nhân được nên chị C khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh Đinh Văn D; yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận bằng văn bản giữa chị Cao Thị C và anh Đinh Văn D về chia tài sản chung, nợ chung, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa do anh D vắng mặt, không tham gia tố tụng nên chị C xin rút yêu cầu công nhận sự thỏa giữa chị Cao Thị C và anh Đinh Văn D về chia tài sản chung, nợ chung, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung vì hai bên đã thỏa thuận được bằng văn bản có công chứng chứng thực theo quy định pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Đinh Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng nhưng anh D vắng mặt không có lý do.*

** Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Đinh Văn Th (cha đẻ anh D) trình bày:*

Hôn nhân giữa anh D và chị C có mâu thuẫn, gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên anh D chị C đã sống ly thân và thỏa thuận chia tài sản chung, nợ chung, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án:*

Về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán thiết lập hồ sơ đúng trình tự theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội Dng: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn và xin rút yêu cầu yêu cầu giải quyết công nhận sự thỏa giữa chị Cao Thị C và anh Đinh Văn D về chia tài sản chung, nợ chung, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung vì vậy đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; cho chị Cao Thị C được ly hôn với anh Đinh Văn D.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu nguyên đơn đã rút.

- Về án phí: Chị Cao Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú tại địa chỉ Thôn M, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy

Đức, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện Tòa án đã triệu tập các đương sự trong vụ án, tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự theo quy định pháp luật nhưng bị đơn anh Đinh Văn D vắng mặt không có lý do. Như vậy anh D đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng dân sự hợp pháp được pháp luật quy định nên vụ án không tiến hành hòa giải được, vì vậy Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định ngày xét xử là ngày 11/8/2020, anh Đinh Văn D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do, tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và tổng đạt quyết định hoãn phiên theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Đinh Văn D.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Cao Thị C khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết yêu cầu ly hôn với anh Đinh Văn D và yêu cầu công nhận sự thỏa thuận giữa chị Cao Thị C và anh Đinh Văn D về chia tài sản chung, nợ chung, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội Dung tranh chấp: Đây là quan hệ hôn nhân gia đình và yêu cầu công nhận sự thỏa thuận về chia tài sản chung, nợ chung, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Về Quan hệ hôn nhân, chị C trình bày việc chị C và anh D kết hôn dựa trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tiến bộ không bị ai ép buộc; Chị C và anh D có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông theo quy định pháp luật, như vậy hôn nhân giữa chị C và anh D là hôn nhân hợp pháp. Chị C cho rằng mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc và không thể tiếp tục chung sống với anh D được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh D. Do anh D và chị C đã thỏa thuận được về tài sản chung, nợ chung, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên chị C đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này. Quá trình giải quyết vụ án anh D đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng hợp pháp của mình nên vụ án không tiến hành hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử, HĐXX sẽ giải quyết yêu cầu khởi kiện này của chị C theo quy định pháp luật. Chị C đã tự nguyện rút yêu cầu công nhận sự thỏa thuận, vì vậy HĐXX sẽ đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này theo quy định pháp luật.

[5] Về lý do yêu cầu ly hôn: Chị Cao Thị C cho rằng hôn nhân giữa chị C và anh D phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 làm hôn nhân không hạnh phúc và ngày càng trầm trọng cho đến năm 2019 thì không thể sống chung hôn nhân được nữa nên đã sống ly thân, Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không thành, Anh D và chị C cũng đã tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung, con chung và cấp dưỡng nuôi con chung như vậy anh D và chị C đã hiểu, biết rõ tình trạng hôn nhân của mình không thể đoàn tụ được. Tòa án đã lấy thông tin về mâu thuẫn gia đình từ bố của anh D và đã xác định được đời sống hôn nhân của anh D, chị C có mâu thuẫn và đã được hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Như vậy có căn cứ thể hiện mâu thuẫn gia đình anh D

và chị C ngày càng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. HĐXX xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho chị C được ly hôn với anh D và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu công nhận thỏa thuận về chia tài sản chung, nợ chung, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung mà chị Cao Thị C đã rút.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị C. Cho chị Cao Thị C được ly hôn với anh Đinh Văn D.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về chia tài sản chung, nợ chung, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị Cao Thị C và anh Đinh Văn D.

2. Về án phí: Cao Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ vào số tiền chị Cao Thị C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000809 ngày 18/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Cao Thị C được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Đinh Văn D được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại chính quyền địa phương và nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện T Đ;
- UBND xã Q T, T Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Tiến Thọ

